TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **01**/2019/KDTM-ST
Ngày 28/02/2019
V/v "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Trâm**

Các Hội thẩm nhân dân: + Ông **Mai Hồ Hải Thành**

+ Ông **Nguyễn Văn Đời**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Võ Ngọc Tín** – Thư ký Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà **Trần Thị Hương Thu**- Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Sơn Trà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 18/2018/TLST-KDTM ngày 02 tháng 10 năm 2018 về việc *"Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2019/QĐXXST- KDTM ngày 02 tháng 01 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2019/QĐST-KDTM ngày 28/01/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Công ty T**- Địa chỉ: Số 92 đường Y, phường N, quận H, Tp Hà Nội. Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Bùi Văn M** - Chức vụ: Cố vấn pháp lý Công ty T theo giấy ủy quyền số 0740/UQ-TC ngày 23/11/2018 của Chủ tịch HĐQT Công ty T. *Có mặt.*

2. Bị đơn: **Công ty C**- Địa chỉ: Số 6 đường L, phường A, quận S, Thành Phố Đà Nẵng. Người đại diện theo pháp luật: Ông **Lê Quang V -** Chức vụ: Tổng giám đốc – Địa chỉ: Số 43 đường P, phường H, quận T, Thành phố Đà Nẵng. *Vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và bản tự khai và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn- ông Bùi Văn Minh trình bày:*

Ngày 22/10/2014, Công ty T (Sau đây gọi tắt là Công ty T) đã ký hợp đồng kinh tế số : 84/HĐKT - TC 2014 với Công ty C (Sau đây gọi tắt là Công ty C) với nội dung: Công ty T đồng ý bán cho Công ty C: *thép cốt bê tông cán nóng do các nhà máy Pomina hoặc các nhà máy khác tương đương được tư vấn và chủ đầu tư chấp thuận để phục vụ thi công xây dựng Dự án: Nhà máy nước giải khát NUMBER ONE CHU LAI"* (Trích Điều 1 Hợp đồng)

Quá trình thực hiện Hợp đồng, Công ty T đã cung cấp đầy đủ số lượng, chất lượng hàng hóa theo từng đơn đặt hàng và xuất hóa đơn bán hàng cho bên mua theo đúng quy định của pháp luật. Mặc dù đã nhận đủ hàng hóa nhưng Công ty C không thực hiện nghĩa vụ thanh toán đầy đủ cho chúng tôi theo Hợp đồng.

Tháng 9/2015 đến nay , Công ty T đã nhiều lần gửi xác nhận công nợ và đề nghị thanh toán; Công ty C cũng đã xác nhận công nợ và xác nhận nghĩa vụ thanh toán, tuy nhiên Công ty C không thực hiện việc thanh toán của Bên Mua theo Hợp đồng.

Đến ngày 29/ 3/2018, hai bên đã ký Biên bản đối chiếu xác nhận công nợ và Đề nghị thanh toán số 0061/ĐNTT/2018, trong đó ông Lê Quang Vũ- Tổng giám đốc Công ty C đã cam kết thanh toán cho chúng tôi số tiền còn nợ như sau :

- Số tiền hàng là : **267.826.939** đồng.

- Số tiền lãi do chậm trả theo Điều 3 Hợp đồng tính đến ngày 29/03/2018 là: **106.352.084** đồng

- Tổng số tiền Công ty Cổ phần Chí Việt còn nợ Công ty T tính đến ngày 29/3/2018 là : **374.179.023** đồng.

Tuy nhiên, đến nay, mặc dù đã nhiều lần cam kết trả nợ , Công ty C vẫn không thanh toán các khoản nợ theo cam kết, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của chúng tôi. Nay Công ty T đề nghị Tòa án nhân dân quận Sơn Trà buộc Công ty Cphải trả tiền hàng và lãi suất cho Công ty T là: **374.179.023** đồng. *(Bằng chữ: Ba trăm bảy mươi tư triệu, một trăm bảy mươi chín nghìn, không trăm hai mươi ba đồng*).

** Đối với bị đơn- đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần nhà thép tiền chế Chí Việt:*

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, triệu tập hợp lệ bằng hình thực niêm yết công khai tại trụ sở của công ty, tại UBND phường An Hải Bắc và tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Sơn Trà cho bị đơn được biết nhưng đại diện Công ty C đều vắng mặt. Qua xác minh tại nơi cư trú của ông Lê Quang V thì được biết hiện tại ông V không còn sinh sống tại số 43 đường P, phường H, quận T, Thành phố Đà Nẵng, đây là địa chỉ nhà thuê và ông V đã chuyển đi từ nhiều năm nay. Tòa án nhân dân quận Sơn Trà đã tiến hành xác minh địa chỉ trụ sở hoạt động và tình trạng đăng ký kinh doanh của Công ty Cđể giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Kết quả xác minh như sau:

Xác minh tại Phòng đăng ký kinh doanh - Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Đà Nẵng: Công ty C có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp là 0401349408, đăng ký lần đầu vào ngày 14/4/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 8 vào ngày 08/9/2016, hiện đang có trụ sở chính tại: số 06 đường L, phường A, quận S, Tp Đà Nẵng. Người đại diện theo pháp luật của Công ty C là ông Lê Quang V – Sinh năm 1969, chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm tổng giám đốc.

Ngày 04/4/2018, Phòng đăng ký kinh doanh – Sở kế hoạch đầu tư thành phố Đà Nẵng đã có Quyết định về việc thu hồi Giấy nhận đăng ký doanh nghiệp đối với Công ty Cổ phần nhà thép tiền chế Chí Việt.

Xác minh tại Chi cục thuế quận Sơn Trà: Công ty C có mã số thuế 0401349408, tính đến thời điểm bị thu hồi Giấy chứng đăng ký doanh nghiệp ngày 04/4/2018 thì Công ty C còn nợ thuế và tiền phạt là 2.149.473.697 đồng. Chi cục thuế quận Sơn Trà đã chuyển cho Sở kế hoạch đầu tư Tp Đà Nẵng để thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Sở kế hoạch đầu tư Tp Đà Nẵng đã có Quyết định số 27536/18 ngày 04/4/2018 về việc thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đối với Công ty C. Ngày 17/4/2018 Chi cục thuế quận Sơn Trà đã có Thông báo số 2047/TB-CCT về việc người nộp thuế ngừng hoạt động và đang làm thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế gởi đến Công ty C nhưng không nhận được phản hồi.

***** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Theo đó, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng pháp luật. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật, riêng bị đơn không chấp hành triệu tập của Tòa án, chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn, buộc Công ty C phải có trách nhiệm trả cho Công ty T số tiền **374.179.023** đồng *(Bằng chữ : Ba trăm bảy mươi tư triệu, một trăm bảy mươi chín nghìn, không trăm hai mươi ba đồng*), trong đó: tiền nợ gốc: **267.826.939** đồng và tiền lãi chậm trả tính đến ngày 29/3/2018 là **106.352.084** đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, HĐXX nhận định:

[1] **Về quan hệ pháp luật tranh chấp**: Mặc dù các bên thỏa thuận tại Điều 5 của hợp đồng *"...nếu thương lượng không thành sẽ đưa ra Tòa án kinh tế Tòa án nhân dân Hà Nội để giải quyết".* Tuy nhiên, thỏa thuận này là trái với quy định của pháp luật nên vô hiệu. Đây là tranh chấp về kinh doanh, thương mại thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự và loại tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện nơi có trụ sở của bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] **Về trình tự thủ tục tố tụng**: Bị đơn- đại diện theo pháp luật của Công ty Cđã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng phía bị đơn vẫn vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung:

Ngày 22/10/2014, Công ty Tvà Công ty Cký với nhau Hợp đồng kinh tế số 84/HĐKT-TC 2014 với nội dung: "Công ty T đồng ý bán cho Công ty C: *thép cốt bê tông cán nóng do các nhà máy Pomina hoặc các nhà máy khác tương đương được tư vấn và chủ đầu tư chấp thuận để phục vụ thi công xây dựng Dự án: Nhà máy nước giải khát NUMBER ONE CHU LAI"*

Quá trình thực hiện Hợp đồng, Công ty T đã cung cấp đầy đủ số lượng, chất lượng hàng hóa theo từng đơn đặt hàng và xuất hóa đơn bán hàng cho bên mua theo đúng quy định của pháp luật. Mặc dù đã nhận đủ hàng hóa nhưng Công ty C không thực hiện nghĩa vụ thanh toán đầy đủ cho Công ty Ttheo Hợp đồng.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện theo ủy quyền của Công ty T yêu cầu Công ty C phải trả cho Công ty T số tiền **374.179.023** đồng, trong đó: tiền nợ

gốc: **267.826.939** đồng và tiền lãi chậm trả tính từ ngày 27/11/2014 đến ngày 29/3/2018 theo mức lãi suất quá hạn 1%/tháng của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương là **106.352.084** đồng.

[3.1] Hội đồng xét xử nhận thấy về hình thức hợp đồng, chủ thể giao kết hợp đồng không vi phạm quy định của pháp luật, về nội dung giao kết giữa các bên thể hiện trong hợp đồng không trái pháp luật cũng như đạo đức xã hội, phù hợp với nghành nghề mà các bên đã được cấp phép kinh doanh. Nên có đủ căn cứ xác định Hợp đồng kinh tế số 84/HĐKT-TC 2014 ngày 22/10/2014 giữa Công ty T và Công ty C là hợp pháp, có hiệu lực pháp luật theo quy định tại điều 24 Luật thương mại 2005.

[3.2] Xét yêu cầu của nguyên đơn thì thấy: Ngày 29/3/2018, cả hai bên Công ty T và Công ty C đã ký Biên bản đối chiếu xác nhận công nợ và Đề nghị thanh toán số 0061/ĐNTT/2018, trong đó ông Lê Quang V- Tổng giám đốc Công ty C đã cam kết thanh toán cho Công ty T số tiền còn nợ như sau :

- Tổng số tiền hàng là : **267.826.939** đồng.

- Số tiền lãi do chậm trả theo Điều 3 Hợp đồng tính từ ngày 27/11/2014 đến ngày 29/03/2018 (1.219 ngày) theo mức lãi suất quá hạn 1%/tháng của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương là: **106.352.084** đồng

- Tổng cộng là : **374.179.023** đồng.

Như vậy, Công ty C đã thừa nhận việc vi phạm nghĩa vụ thanh toán của mình quy định tại Điều 3 của Hợp đồng và Điều 50, 55 Luật thương mại. Do vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc Công ty C phải trả số tiền **374.179.023** đồng là có căn cứ và hợp pháp nên cần chấp nhận.

[4] Án phí KDTM –ST: Bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 30; Điều 35; Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 24, 50, 55 Luật thương mại.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty T đối với Công ty C về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

Buộc Công ty C phải có trách nhiệm trả cho Công ty T số tiền: **374.179.023** đồng *(Ba trăm bảy mươi bốn triệu, một trăm bảy mươi chín nghìn, không trăm hai mươi ba đồng),* trong đó: tiền nợ gốc: **267.826.939** đồng *(Hai trăm sáu mươi bảy triệu, tám trăm hai mươi sáu nghìn, chín trăm ba mươi chín đồng)* và tiền lãi chậm trả tính đến ngày 29/3/2018 là **106.352.084** đồng *(Một trăm lẻ sáu triệu, ba trăm năm mươi hai nghìn, không trăm tám mươi bốn đồng).*

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Án phí KDTM- ST: Bị đơn- Công ty C phải chịu là **18.708.951 đồng** *(Mười tám triệu bảy trăm lẻ tám nghìn chín trăm năm mươi mốt đồng).*

Hoàn trả lại cho nguyên đơn- Công ty T số tiền tạm ứng án phí **9.354.476 đồng** *(Chín triệu ba trăm năm mươi bốn nghìn bốn trăm bảy mươi sáu đồng)* theo biên lai thu số 9127 ngày 02/10/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời gian 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND quận Sơn Trà;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Trâm